TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2020
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tấn Trường
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Khuyến
Bà Nguyễn Thị Phượng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 168/2020/TLST-HN&GĐ ngày 23/4/2020 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; (vắng mặt);
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã BS, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà L và ông H tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã BS, huyện B (nay là P), tỉnh Bình Phước ngày 05/9/2014, tổ chức hôn lễ theo đúng quy định pháp luật và phong tục địa phương.

Trong đời sống hôn nhân vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bà L bị mắc bệnh Lupus ban đỏ hệ thống biến chứng nên ông H đã bỏ nhà đi, hiện tại hai bên đang sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà L đề nghị Tòa án được ly hôn với ông H.

+ *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Trong quá trình chung sống, bà L và ông H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Tố Nh, sinh ngày 19/7/2014. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nh và yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi.

+ *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Thanh H đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân gia đình "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung" do nguyên đơn bà Nguyễn Thị L thực hiện quyền khởi kiện; người bị kiện ông Nguyễn Thanh H có nơi đăng ký thường trú tại thôn B, xã BS, huyện P, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà L, ông H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã BS, huyện B (nay là P), tỉnh Bình Phước ngày 05/9/2014. Xét thấy hôn nhân giữa bà L, ông H là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; tại thời điểm kết hôn cả hai đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, hôn nhân giữa bà L, ông H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Căn cứ lời khai của bà L và kết quả xác minh tại địa phương thì trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà L bị mắc bệnh Lupus ban đỏ hệ thống biến chứng nên ông H đã bỏ nhà đi, hiện tại hai bên đang sống ly thân. Tòa án đã thông báo về việc thu lý vụ án nhưng ông H không có văn bản trình bày ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của bà L cũng như trình bày về tình

trạng hôn nhân của mình. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, đời sống hôn nhân của vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, cả bà L, ông H đều không có giải pháp để khắc phục, cải thiện cuộc sống vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà L được ly hôn với ông H là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Tố Nh, sinh ngày 19/7/2014. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nh và yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi.

Xét thấy, khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần. Thực tế, từ khi ly thân đến nay, do mâu thuẫn nên ông H đã bỏ đi nơi khác sinh sống không trực tiếp chăm sóc cháu Nh, bản thân cháu Nh hiện nay đang sống chung với bà L và bà L cũng có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nh. Căn cứ Điều 81, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Nh, cần giao cháu Nh cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, do đó yêu cầu của bà L về phần này được chấp nhận.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Xét thấy, hiện tại bà L đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 người con, trong đó có cháu Nh là con chung của bà L, ông H. Bản thân bà L hiện đang mắc bệnh hiểm nghèo Lupus ban đỏ hệ thống biến chứng, sức khỏe yếu. Công việc của bà L là làm công nhân xưởng điều tại xã BS, huyện P, thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng. Như vậy, với tình hình sức khỏe và thu nhập của bà L thì cần thiết phải buộc ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp nên cần chấp nhận yêu cầu của bà L về việc buộc ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 600.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 57, 80, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thanh H chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Tố Nh, sinh ngày 19/7/2014 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 600.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011592, quyển số 0232, ngày 22/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn. bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã BS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đỗ Tấn Trường